

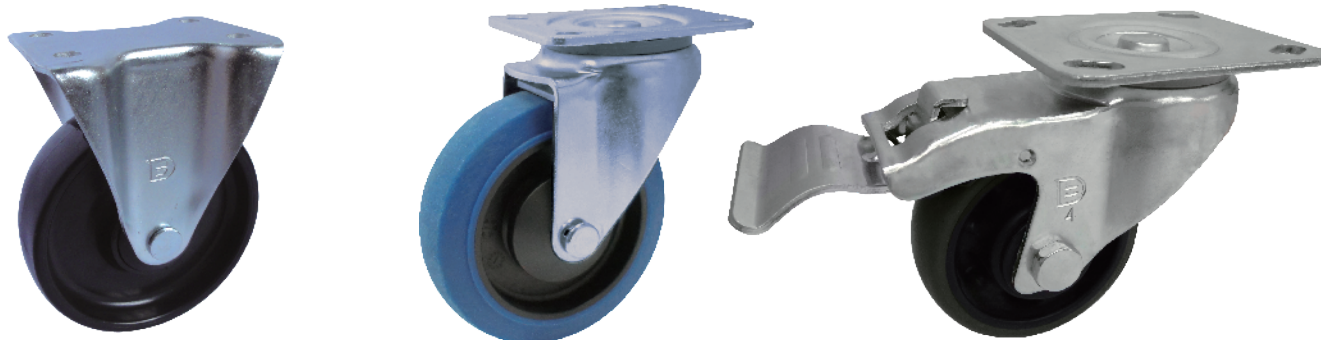
**1151****Series**

Tải nặng vừa

SERIES 51 TẤM LẮP CHUẨN CHÂU ÂU**51歐規底板系列**

- Tấm lắp chuẩn Châu Âu, cấu tạo càng bánh được thiết kế đặc biệt, giúp tăng khả năng tải trọng.
Tấm lắp dày 3.5mm, xoay chuyển linh hoạt, có khóa kép, thích hợp cho xe đẩy tải trọng nặng và vừa.
- 歐規底板, 腳架採特別結構設計, 特高荷重、3.5mm板, 轉動靈活, 雙煞制動, 適用於中、重型台車

Tải trọng 載重
80-350 kg



» Đặc điểm 特色區



» Vật liệu bánh xe 輪子選項

Bánh PU chịu mài mòn lõi PP
高科技耐磨聚氨酯

Bánh TPR lõi PP
超級人造膠 (514)

Bánh Resolute
全效輪 (514)

Bánh WHDR
WHDR輪

Bánh xe dẫn điện
導電輪

Bánh TPR lõi PP
超級人造膠 (515)

Bánh Resolute
全效輪 (515)



Bánh W Resolute
W全效輪

Bánh WPPR
W超級人造膠

Bánh WPP
WPP輪

Bánh WMRC
WMRC輪

Bánh CPD
CPD輪

Bánh cao su đàn hồi xanh
藍色彈力輪

Bánh xe Sandwich
三明治輪

Bánh QPU lõi nhôm
鋁芯AQPU

» Quy cách tấm lắp 底板規格

Số thứ tự 編號	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
1	85 x 105 mm (3-5/16" x 4-1/8")	60 x 80 mm 2-3/8"x3-1/4"(European Plate)	8 mm (5/16")
2	95 x 65 mm (3-3/4" x 2-1/2")	75 x 45 mm (3" x 1-3/4")	8 mm (5/16")
3	100 x 115 mm (3-7/8" x 4-1/2")	75 x 80 mm (3" x 3-1/4")	10 mm (3/8")



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
100mm x 31mm (4" x 1-1/4")	120kgs (265lbs)	Bánh PU chịu mài mòn lõi PP 高科技耐磨聚氨酯	1151-04-31-1	1151-04-31-2	1151-04-31-4	Ổ bi 滾珠	130mm (5-1/16")	Xoay 90mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 90mm 剎車 137mm (短踏板) 剎車 160mm (超大踏板)
	100kgs (220lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	1151-04-75-1	1151-04-75-2	1151-04-75-4			
	125kgs (275lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1151-04-68-1	1151-04-68-2	1151-04-68-4			
	80kgs (176lbs)	Bánh xe dẫn điện 導電輪	1151-04-17-1	1151-04-17-2	1151-04-17-4			
	180kgs (400lbs)	Bánh WHDR WHDR輪	1151-04-66-1	1151-04-66-2	1151-04-66-4			
	135kgs (300lbs)	Bánh W Resolute W全效輪	1151-04-48-1	1151-04-48-2	1151-04-48-4			
	100kgs (220lbs)	Bánh WPPR W超級人造膠	1151-04-47-1	1151-04-47-2	1151-04-47-4			
	130kgs (285lbs)	Bánh WPP WPP輪	1151-04-46-1	1151-04-46-2	1151-04-46-4			
	180kgs (396lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1151-04-45-1	1151-04-45-2	1151-04-45-4			
100mm x 36mm (4" x 1-1/2")	160kgs (352lbs)	Bánh CPD CPD輪	1151-04-71-1	1151-04-71-2	1151-04-71-4	Ổ bi 滾珠	130mm (5-1/16")	Xoay 90mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 90mm 剎車 137mm (短踏板) 剎車 160mm (超大踏板)
	160kgs (352lbs)	Bánh cao su dẫn hồi xanh 藍色彈力輪	1151-04-50-1	1151-04-50-2	1151-04-50-4			
	140kgs (308lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	1151-04-77-1	1151-04-77-2	1151-04-77-4			
	160kgs (352lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1151-04-76-1	1151-04-76-2	1151-04-76-4			
	325kgs (715lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU輪(圓弧)	1151-04-87-1	1151-04-87-2	1151-04-87-4			
100mm x 40mm (4" x 1-9/16")	350kgs (770lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU輪(圓弧)	1151-04(40)-87-1	1151-04(40)-87-2	1151-04(40)-87-4	Ổ bi 滾珠	130mm (5-1/16")	Xoay 90mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 90mm 剎車 137mm (短踏板) 剎車 160mm (超大踏板)
125mm x 31mm (5" x 1-1/4")	130kgs (285lbs)	Bánh PU chịu mài mòn lõi PP 高科技耐磨聚氨酯	1151-05-31-1	1151-05-31-2	1151-05-31-4	Ổ bi 滾珠	155mm (6-1/8")	Xoay 103mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 103mm 剎車 137mm (短踏板) 剎車 160mm (超大踏板)
	110kgs (240lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	1151-05-75-1	1151-05-75-2	1151-05-75-4			
	147kgs (325lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1151-05-68-1	1151-05-68-2	1151-05-68-4			
	90kgs (198lbs)	Bánh xe dẫn điện 導電輪	1151-05-17-1	1151-05-17-2	1151-05-17-4			
	200kgs (440lbs)	Bánh WHDR WHDR輪	1151-05-66-1	1151-05-66-2	1151-05-66-4			
	147kgs (325lbs)	Bánh W Resolute W全效輪	1151-05-48-1	1151-05-48-2	1151-05-48-4			
	110kgs (240lbs)	Bánh WPPR W超級人造膠	1151-05-47-1	1151-05-47-2	1151-05-47-4			
	150kgs (330lbs)	Bánh WPP WPP輪	1151-05-46-1	1151-05-46-2	1151-05-46-4			
	200kgs (440lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1151-05-45-1	1151-05-45-2	1151-05-45-4			
125mm x 36mm (5" x 1-1/2")	200kgs (440lbs)	Bánh CPD CPD輪	1151-05-71-1	1151-05-71-2	1151-05-71-4	Ổ bi 滾珠	155mm (6-1/8")	Xoay 103mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 103mm 剎車 137mm (短踏板) 剎車 160mm (超大踏板)
	250kgs (550lbs)	Bánh cao su dẫn hồi xanh 藍色彈力輪	1151-05-50-1	1151-05-50-2	1151-05-50-4			
	160kgs (352lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	1151-05-77-1	1151-05-77-2	1151-05-77-4			
	180kgs (400lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1151-05-76-1	1151-05-76-2	1151-05-76-4			
	250kgs (550lbs)	Bánh xe Sandwich 三明治輪	1151-05-40-1	1151-05-40-2	1151-05-40-4	Ổ đũa 滾針軸承		



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
125mm x 40mm (5" x 1-9/16")	350kgs (770lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU輪(圓弧)	1151-05-87-1	1151-05-87-2	1151-05-87-4	Ổ bi 滾珠	155mm (6-1/8")	Xoay 103mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 103mm 剎車 137mm (短踏板) 剎車 160mm (超大踏板)
150mm x 31mm (6" x 1-1/4")	130kgs (285lbs)	Bánh PU chịu mài mòn lõi PP 高科技耐磨聚氨酯	1151-06-31-1	1151-06-31-2	1151-06-31-4	Ổ bi 滾珠	188mm (7-1/2")	Xoay 115mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 115mm 剎車 137mm (短踏板) 剎車 160mm (超大踏板)
	110kgs (240lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	1151-06-75-1	1151-06-75-2	1151-06-75-4			
	147kgs (325lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1151-06-68-1	1151-06-68-2	1151-06-68-4			
	90kgs (198lbs)	Bánh xe dẫn điện 導電輪	1151-06-17-1	1151-06-17-2	1151-06-17-4			
	200kgs (440lbs)	Bánh WHDR WHDR輪	1151-06-66-1	1151-06-66-2	1151-06-66-4			
	147kgs (325lbs)	Bánh W Resolute W全效輪	1151-06-48-1	1151-06-48-2	1151-06-48-4			
	110kgs (240lbs)	Bánh WPPR W超級人造膠	1151-06-47-1	1151-06-47-2	1151-06-47-4			
150mm x 42mm (6" x 1-5/8")	350kgs (770lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU輪(圓弧)	1151-06-87-1	1151-06-87-2	1151-06-87-4	Ổ bi 滾珠	188mm (7-1/2")	Xoay 115mm Khóa 137mm (bàn đạp ngắn) Khóa 160mm (bàn đạp lớn) 活動 115mm 剎車 137mm (短踏板) 剎車 160mm (超大踏板)